

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Bản án số:33/2018/HSST

Ngày: 26-7-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Bùi Trọng Danh**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nguyễn Viết Dũng**

Ông **Trương Công Khánh**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng .

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Bà **Võ Thị Hải Hà** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 30/2018/TLST-HS ngày 15 tháng 6 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 31/2018/QĐXXST-HS ngày 9/7/2018 đối với bị cáo:

Lê Thị T; Giới tính: Nữ; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày: 02/9/1995 tại Quảng Nam; ĐKNKTT và chỗ ở: Khố 2A, P. B, Thị xã B, Quảng Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Số CMND: 205882812 do Công an tỉnh Quảng Nam cấp ngày 23/10/2015. Học vấn: 9/12; Nghề nghiệp: Nhân viên khách sạn. Con ông: Lê Văn H (đã chết); Con bà: Phạm Thị L (SN: 1949, còn sống); Gia đình có 08 chị em, bị cáo là con út. Chồng: Huỳnh Đức N (SN: 1990), có 01 con sinh năm 2017); Tiền án, tiền sự: Chưa. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú. Có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại: Bà Karen Lam Mei F, sinh năm 1993; Quốc tịch: Malaysia. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 08/4/2018, Lê Thị T (là nhân viên buồng phòng của khách sạn S, P. M, Q. T, ĐN) cùng chị Lê Thị Trâm A (SN 1987) đến dọn vệ sinh tại phòng 1102 của khách sạn. Phòng này do chị Karen Lam Mei F (SN 1993, Quốc tịch: Malaysia) thuê để lưu trú khi đến Đà Nẵng du lịch. Lúc vào phòng, chị Trâm A dọn vệ sinh ở Toilet, còn T lau chùi phòng ngủ. T thấy balo của khách để ở chân giường nên nảy sinh ý định lấy trộm tài sản. T lấy balo mở khóa kéo thấy bên trong có tiền nên lấy bỏ vào túi áo của mình rồi trả balo về chỗ cũ và tiếp tục làm việc. Sau khi ra khỏi phòng, T đem số tiền lấy trộm giấu vào ghế xếp ở tầng 12. Khoảng 11 giờ 30 phút cùng ngày, chị Karen Lam Mei F phát hiện bị mất tiền nên báo Cơ quan Công an. Qua điều tra, Cơ quan Công an mời Lê Thị T đến làm việc, T đã khai nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu.

Tang vật tạm giữ:

- 7.176.500 đồng (Bảy triệu một trăm bảy sáu ngàn năm trăm đồng).

- Ngày 10/4/2018, Cơ quan CSĐT Công an quận Sơn Trà xử lý vật chứng trả số tiền 7.176.500 đồng cho chị Karen Lam Mei F.

Bản cáo trạng số 14/CT-VKSĐN-P3 ngày 15/6/2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng đã truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa, đại diện viện kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Căn cứ: khoản 1 Điều 173 BLHS 2015; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015, xử phạt bị cáo Lê Thị T mức án từ 06 đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo.

Tại phiên tòa bị cáo Lê Thị T đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố là đúng, chỉ xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến

hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với các tài liệu chứng cứ có tại hồ sơ vụ án và quan điểm luận tội của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở xác định: Khoảng 10h30 ngày 08/4/2018, tại phòng 1102 Khách sạn S, P. M, Q. T, Đà Nẵng, trong lúc dọn vệ sinh phòng cho khách, Lê Thị T đã lấy trộm số tiền 7.176.500 đồng của chị Karen Lam Mei F (Quốc tịch: Malaysia). Do đó, bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Lê Thị T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng tội. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 173 BLHS 2015.

[3] Xét tính chất vụ án thì thấy bị cáo đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của khách thuê phòng lưu trú tại khách sạn nơi bị cáo làm việc. Hành vi của bị cáo hết sức xem thường pháp luật, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ.

[4] Tuy nhiên, xét thấy trong quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ thái độ ăn năn hối cải, tài sản đã được trả lại cho người bị hại; Hoàn cảnh gia đình bị cáo khó khăn, bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; phạm tội chưa gây thiệt hại, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng nên HĐXX sẽ áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51. Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nhân thân tốt, biết ăn năn hối cải, đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi nên không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà giao về địa phương giám sát giáo dục cũng có tác dụng đối với bị cáo.

[5] **Về trách nhiệm dân sự:** Sau khi vụ án xảy ra, bị hại bà Karen Lam Mei F đã được nhận lại số tiền 7.176.500 đồng bị trộm và không có yêu cầu bồi thường gì thêm nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1. Căn cứ: Khoản 1 Điều 173 BLHS năm 2015; điểm h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;

2. Tuyên bố: Bị cáo **Lê Thị T** phạm tội “**Trộm cắp tài sản**”.

Xử phạt: **Lê Thị T 06 (sáu)** tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Tuyên giao bị cáo về UBND phường B, thị xã B, tỉnh Quảng Nam giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Căn cứ Nghị quyết 326/2016/QH14 buộc bị cáo Lê Thị T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm;

Báo cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay. Riêng bị hại là bà Karen Lam Mei F vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- Phòng HSNV- CATPĐN(PV27)
- PC 44- CQCSĐT CA TP. Đà Nẵng;
- Cục THA dân sự Tp Đà Nẵng;
- Sở Tư pháp TP Đà Nẵng;
- Tổ nghiệp vụ và THA HS-TATPĐN
- VKSND cấp cao tại TPĐN;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm Phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Trọng Danh

